

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vừa và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính 2010, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	517,653,966,004	387,378,190,487	1,452,879,469,670	1,067,148,493,814
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		517,653,966,004	387,378,190,487	1,452,879,469,670	1,067,148,493,814
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	447,406,883,942	343,019,781,988	1,198,800,332,816	904,458,011,636
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70,247,082,062	44,358,408,499	254,079,136,854	162,690,482,178
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	9,394,492,540	6,645,756,274	29,694,445,607	8,347,882,655
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	22,268,821,249	17,418,601,621	95,290,826,902	68,797,433,135
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16,952,111,707	9,107,734,669	65,433,242,696	34,403,470,146
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	23,363,315,024	11,095,596,783	69,550,582,201	29,330,521,195
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	7,565,118,793	8,621,216,785	26,547,633,780	25,805,010,448
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26,444,319,536	13,868,749,584	92,384,539,578	47,105,400,055
11. Thu nhập khác	31	VI.8	29,079,019,122	376,978,045	33,983,301,814	1,578,037,145
12. Chi phí khác	32	VI.9	2,234,065,496	1,236,649,437	2,873,702,209	2,301,174,810
13. Lợi nhuận khác	40		26,844,953,626	(859,671,392)	31,109,599,605	(723,137,665)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính 2010, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53,289,273,162	13,218,698,722	123,494,139,183	46,591,882,920
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		14,051,861,656	2,275,300,102	31,748,228,832	9,814,414,588
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	274,007,546	97,565,975	1,146,551,851
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39,237,411,506	10,669,391,075	91,648,344,376	35,630,916,481
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			13,212,945,326		21,174,919,654	
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			26,024,466,179		70,473,424,722	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL11	1,364	-	3,693	-



Người lập biểu


Nguyễn Thị Hồng Oanh

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Như Dung

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám đốc




Lê Hoàng Hà